

Ngày: 27/12/2017

Do có quen biết với nhau từ trước nên ngày 19/7/2016 anh Hoàng Mạnh Ng sinh năm 1986 ở ĐL, HA, Hải Phòng có gửi chị Lưu Thị V sinh năm 1984, ở thị trấn AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng giữ hộ 01 bản chính và 01 bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất (sau đây gọi tắt là: GCNQSDĐ) số CC561719 mang tên ông Hoàng Trọng Th và vợ là bà Đỗ Thị Kim Ng1, thửa đất số 105, địa chỉ, tổ dân phố AK1, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng. Do sơ xuất chị V làm mất bản chính, ngày 23/7/2016, chị V đến gặp chị Trần Thị Kh sinh năm 1962, ở số 194 LTr, quận NQ, thành phố Hải Phòng để nhờ xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Kh đã điện cho Bùi Thị Ngọc O để nhờ, O nhận lời và bảo chi phí hết 4.000.000đ, chị V đưa trước cho O 02 triệu đồng cùng bản phô tô GCNQSDĐ, O nhận và đưa cho D bản phô tô cùng 1.000.000đ để D làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, D làm xong thì O đến lấy và đưa cho Nguyễn Thị Hg sinh năm 1973, ở ĐH, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng để thuê Hg đóng dấu nổi vào GCNQSDĐ giả với giá 1.000.000 đồng. Sau khi Hg làm xong, O nhận và hẹn chị V ra khu vực cổng trường Chính trị Tô Hiệu, đường Nguyễn Bình, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng để giao nhận GCNQSDĐ giả, khoảng 10h30' ngày 25/7/2016, chị V cùng chị Kh đến điểm hẹn gặp O, chị V đưa cho O 2.000.000đ và nhận GCNQSDĐ được làm giả thì bị lực lượng Công an kiểm tra, thu giữ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Thị Ngọc O không thu giữ gì; tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn D thu giữ được: Một máy in nhãn hiệu Canon K30314, màu đen; một máy Scan nhãn hiệu Brother MFC-7420 màu ghi; một máy in nhãn hiệu Brother MFC-6490CW0818-11; một máy in màu nhãn hiệu EPSON B472B màu đen; năm lọ đựng chất lỏng màu (mực in phun) liền nhau có kích thước 11 cm x 6cm x 2cm; sáu lọ đựng chất lỏng màu (mực in phun) liền nhau có kích thước 11 cm x 6cm x 2cm; một máy laptop Dell màu đen, Model P15G; năm tờ “Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước”; một tập giấy tài liệu gồm 58 tờ, đều có chữ ký của Nguyễn Văn D.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo D và O khai nhận như nội dung đã nêu trên, ngoài ra các bị cáo còn khai trong khoảng thời gian từ tháng 5/2016 đến ngày 25/7/2016, Nguyễn Văn D cùng với Bùi Thị Ngọc O mua máy in, máy vi tính, máy Scan, mực, giấy và các phôi bằng, giấy tờ, con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức để làm giả các giấy tờ, tài liệu cho những người sau:

Vào khoảng cuối tháng 6/2016 làm cho chị Quách Thị H, sinh năm 1979, ở xã AH, huyện AD, Hải Phòng 05 tờ “Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước” giả với giá 100.000đ/01 tờ để chị H hoàn thiện hồ sơ cho con gái là Trịnh Thị Tuyết M, sinh năm 2001 đi du học tại Úc. Chị H chưa kịp nộp hồ sơ thì biết tin O bị bắt nên đã mang 05 tờ “Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước” giả giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Thông qua Phan Thanh T giới thiệu nên O đã nhận làm giả cho Đỗ Cao Ng2 sinh năm 1984, ở 31/43 ĐKN, AB, LC, Hải Phòng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ 21/43 ĐKN, phường AB, quận LC, thành phố Hải Phòng; 01 hợp đồng lao động với vị trí Trưởng phòng kinh doanh công ty NWB trụ sở tại Hà Nội, làm giả xác nhận bằng lương để Ng2 đi du lịch các nước Châu Âu. Ngày 10/7/2016, Ng1 đã đi du lịch 4 nước Châu Âu (Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đức) đến ngày 18/7/2016 thì về Việt Nam. Toàn bộ giấy tờ do D, O làm giả hiện do đại sứ quán Pháp giữ.

Vào khoảng tháng 6/2016 làm giả cho Lê Văn A sinh năm 1986, ở thôn ThT, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng 01 bằng tốt nghiệp của Trường

Cao đẳng Hàng hải, Hải Phòng với giá 500.000 đồng. Mục đích A đặt O làm giả bằng tốt nghiệp trên là để A có kinh nghiệm phân biệt, so sánh bằng thật và bằng giả. Sau khi mang bằng tốt nghiệp giả trên về nhà so sánh với bằng tốt nghiệp thật của A thì A đã xé hủy mất.

Làm giả cho Nguyễn Xuân Hg1 sinh năm 1991 (thông qua chị Chuyên ở An Hồng, An Dương, Hải Phòng) 01 Bằng tốt nghiệp trường Đại học Hải Phòng; làm cho chị Phạm Phương O1, sinh năm 1973 (thông qua Phan Thanh T, sinh năm 1973 ở đường LL, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng) 01 sổ bảo hiểm nhưng do làm không đúng yêu cầu nên chị O1 không nhận.

Ngoài ra, D còn làm cho một số người đến nhờ trực tiếp như: Làm cho Bùi Thị Ngọc O 01 sổ hộ khẩu công chứng; làm cho người tên T ở Thủy Nguyên giấy kiểm định xe ô tô và một người tên V hay V1 làm bằng cử nhân của trường Đại học Hàng hải Việt Nam (làm giả bằng cấp III) và làm cho anh Tứ - nhà ở quán Toan, hiện là lái xe ở cảng Đình Vũ: 01 bằng tốt nghiệp phổ thông trung học + 01 bằng tốt nghiệp Đại học .

Tại bản Kết luận giám định số 100 ngày 25/7/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận: "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC561719 mang tên ông Hoàng Trọng Th và vợ là bà Đỗ Thị Kim Ng1; Hình dấu tròn có nội dung "Sở tài nguyên và môi trường" và chữ ký mang tên Giám đốc Phạm Quốc Ka trên tài liệu cần giám định là giả, làm giả bằng phương pháp in phun màu*".

Tại bản Kết luận giám định số 102 ngày 02/8/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 05 giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước là giả, làm giả bằng phương pháp in phun màu (hình dấu, chữ ký, bản in).

Tại công văn số 183 ngày 01/8/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng về việc kiểm tra dữ liệu trong máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu đen, DPN WF52A00 và 01 máy in nhãn hiệu Canon 1X6560 thu giữ của Nguyễn Văn D, kết quả như sau: Tại ổ "D" thư mục: Tháng 5 và tháng 7 trong ổ cứng máy tính có 08 file*.cdr liên quan đến các hình ảnh: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; Bằng tốt nghiệp đại học; Bằng tốt nghiệp cao đẳng; Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; bảo hiểm xã hội và hình dấu tròn có nội dung "Công ty trách nhiệm hữu hạn NWB Việt Nam", "Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hà Nội phòng giao dịch số 8".

Tại ổ "D" thư mục: Tháng 5 có 02 file văn bản (*.doc) về hợp đồng lao động số 10/2016/NWB-HĐLĐ ngày 30/12/2015; giấy xác nhận mang tên Đỗ Cao Nguyên và sao kê tài khoản Do Cao Nguyen. Trong thư mục "tháng 6" có 01 file văn bản (*.doc) nội dung: Bảng sao kê tài khoản Phạm Phương Oanh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2017/HSST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ngọc O phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 53; Điều 20 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt:

Bùi Thị Ngọc O: 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính, từ ngày bắt thi hành án, phạt tiền bị cáo 05 triệu đồng xung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo khác trong vụ án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2017, bị cáo Bùi Thị Ngọc O kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Bùi Thị Ngọc O khai nhận đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là đúng người, đúng tội, không oan; bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã quy kết và giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu đưa ra các tài liệu, chứng cứ, phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, quyết định của bản án sơ thẩm, căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận: Bị cáo Bùi Thị Ngọc O đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Khi quyết định hình phạt tù, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất nghiêm trọng về hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét vai trò tham gia thực hiện tội phạm, nhân thân, áp dụng các tình giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Bùi Thị Ngọc O 18 tháng tù là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bố bị cáo là ông Hoàng Văn C là thương binh hạng 4, là người có công với Cách mạng, được tặng thưởng nhiều Huân chương kháng chiến, bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nên có đủ điều kiện để cho bị cáo được hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Thị Ngọc O tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai nhận của bị cáo và bị cáo Nguyễn Văn D trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Từ tháng 5/2016 đến ngày 27/7/2017, Nguyễn Văn D và Bùi Thị Ngọc O đã mua máy in, máy vi tính, máy Scan, mực, giấy và các phôi bằng, giấy tờ con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nhằm mục đích làm giả các giấy tờ, tài liệu khi có người thuê, nhờ làm để thu lời bất chính. Bùi Thị Ngọc O là người giao dịch với những người cần làm giấy tờ giả, D là người trực tiếp làm giấy tờ giả. Ngày 23/7/2016, Lưu Thị V có nhờ các bị cáo đã làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

CC561719 mang tên ông Hoàng Trọng Th và vợ là bà Đỗ Thị Kim Ng1 để nhận 4.000.000 đồng; làm giả 05 giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

[2] Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị Ngọc O đã bị truy tố, xét xử về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, uy tín của cơ quan, tổ chức Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính; xâm phạm trật tự trị an, bị dư luận xã hội bất bình, lên án đòi hỏi pháp luật phải xử phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo Bùi Thị Ngọc O kháng cáo xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Khi quyết định hình phạt tù, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất nghiêm trọng về hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét vai trò tham gia thực hiện tội phạm, nhân thân, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 18 tháng tù là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, phạm tội lần đầu; trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm luôn khai báo thành khẩn, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có bố là ông Hoàng Văn C là thương binh hạng 4, là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều Huân chương kháng chiến; bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhận thấy, bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự và theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự, xử giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về khoản tiền phạt 5.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày do không hiểu biết nên bị cáo chưa nộp, khi được Hội đồng xét xử giải thích bị cáo cam kết sẽ tự nguyện nộp thi hành trong chiều ngày hôm nay hoặc ngày mai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo nên bị cáo Bùi Thị Ngọc O không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Ngọc O, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị Ngọc O phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” .

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Ngọc O 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 27/12/2017.

Giao bị cáo Bùi Thị Ngọc O cho Ủy ban nhân dân phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. **Án phí:** Bị cáo Bùi Thị Ngọc O không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHC-TP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Nhận